

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, đường 19, thôn GA, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, đường 19, thôn GA, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1966.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 02, đường 19, thôn GA, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, đường 19, thôn GA, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. (*Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Nguyễn Văn M tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã về những sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng không thể bàn bạc việc gì trong gia đình dù việc lớn hay việc nhỏ. Khi xảy ra mâu thuẫn anh M thường xuyên đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn và không thể giải quyết được. Chị H thấy không thể duy trì được cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nếu tiếp tục sẽ làm khổ hai người và các con. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn không thể chấm dứt nên chị H đã bỏ nhà về bên gia đình cha mẹ để sinh sống. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, vợ chồng cũng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc. Đến nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Hiếu Tr, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhưng do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên tuyên không công nhận họ là vợ chồng theo điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Hiếu Tr, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh M sống chung với nhau không đăng ký kết hôn nhưng hai vợ chồng đã có 02 con chung, nay chị H yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh M là Tổ 02, đường 19, thôn GA, xã SN, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử, xử vắng mặt đối với chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới và có con hai con chung. Sau khi về chung sống thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017 và kéo dài cho đến nay, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, theo chị H nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã về những cư xử trong gia đình, vợ chồng không thể bàn bạc được với nhau công việc trong gia đình dù việc lớn hay việc nhỏ. Khi xảy ra mâu thuẫn anh M thường xuyên đánh đập chị H. Chị H cố gắng nhẫn nhịn để níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn không thể giải quyết được. Chị H thấy không thể duy trì được cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nếu cứ để cuộc sống vợ chồng tiếp tục kéo dài sẽ làm khổ hai người và các con. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn không thể chấm dứt nên chị H đã bỏ nhà về bên gia đình cha mẹ ruột để sinh sống. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, cũng từ đó

vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn lại hạnh phúc. Cho đến nay chị H xét thấy cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị H, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh M để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh M vẫn cố tình không đến không lý do, điều đó chứng tỏ anh M không có thiện chí để đoàn tụ với chị H để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị H và anh M là có thật. Mâu thuẫn đã xảy ra từ năm 2017 cho đến nay, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 14,53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Hiếu Tr, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Hiếu Tr, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0001465 ngày 22 tháng 5 năm 2020; Chị Nguyễn Thị Ánh H đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-9-2020) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, riêng đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã SN, CĐ.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI

